TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** ---	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** ***Độc lập - Tự do - Hạnh phúc*** ---

Bản án số: 14/2021/HC-PT
Ngày: 23/4/2021
V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quảng O
Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Kiều T
Bà Trần Thị Thanh T

- Thư ký phiên tòa: Bà Chử Thị Bích L - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân TP Hà Nội.
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim T - Kiểm sát viên.

Ngày 16, 23 tháng 4 năm 2021 , tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 49/2020/HC-PT ngày 30/12/2020 về việc: "Khiếu kiện quyết định hành chính về giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực đất đai" do bản án hành chính sơ thẩm số 04/2020/HC-ST ngày 16/9/2020 của Tòa án nhân dân quận N bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2021/QĐPT-HC ngày, giữa các đương sự:

***** Người khởi kiện:

Anh Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1977.

Cư trú: Số 29, ngách 80/47, ngõ 80 đường Xuân P, phường Phương C , quận N , thành phố H .

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Bùi Thị X.

Cư trú: Phòng 408, Đơn nguyên 1, Tòa F4, Trung K, quận C, thành phố H .

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Hồ Diên T - Luật sư Công ty Luật TNHH A thuộc Đoàn luật sư thành phố H .

***** Người bị kiện:

1. UBND phường Phương C , quận N , thành phố H .

Đại diện theo pháp luật: Ông Lưu Xuân D, Chủ tịch UBND phường Phương C ;

2. Chủ tịch UBND phường Phương C , quận N , thành phố H .

Trụ sở: Đường Phương C , phường Phương C , quận N , thành phố H

Người đại diện theo ủy quyền: Bà nguyễn Thị Minh T, Phó Chủ tịch UBND phường Phương C .

***** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Đ và chị Nguyễn Thị Đ. Cùng địa chỉ: Số nhà 21, hẻm 80/101/28, ngõ 80, đường Xuân P, phường Phương C , quận N , thành phố H

2. Anh Nguyễn Văn L, chị Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị Phương D, chị Nguyễn Thị H, cháu Nguyễn Văn H. Cùng địa chỉ: Số nhà 19, hẻm 80/101/28, ngõ 80, đường Xuân P, phường Phương C , quận N , thành phố H .

3. Bà Nguyễn Thị M. Địa chỉ: Số nhà 1, ngách 80/101, ngõ 80 đường Xuân Ph, phường Phương C , quận N , thành phố H .

4. Ông Nguyễn Văn T. Địa chỉ: Số nhà 49C, ngõ 59, TDP Đ, đường Văn Tiến D, phường P, quận B, TP H.

5. Ông Nguyễn Văn P. Địa chỉ: Phòng 201, nhà N017-3, khu đô thị mới S, quận L, thành phố H .

6. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1969. Địa chỉ: Số nhà 27, hẻm 80/101, ngõ 80 đường Xuân P, phường Phương C , quận N , thành phố H ;

7. Chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1971. Địa chỉ: Số nhà 21, hẻm 80/101, ngõ 80 đường Xuân P, phường Phương C , quận N , thành phố H ;

8. Chị Nguyễn Thị Kim V, sinh năm 1975. Địa chỉ: Số nhà 21, hẻm 80/101, ngõ 80 đường X, phường Phương C , quận N , thành phố H ;

(Tại phiên tòa có mặt bà Bùi Thị X, ông Hồ Diên T)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Trong đơn khởi kiện và các bản khai tại Toà án, người khởi kiện ông Nguyễn Ngọc N trình bày:

Ông là con ruột của ông Nguyễn Văn C (chết năm 2005) và bà Nguyễn Thị Đ. Năm 1999, hộ gia đình do ông Nguyễn Văn C là chủ hộ được xã Xuân P trước đây giao đất theo Nghị định 64/CP.

Ngày 07/06/2018, ông đã gửi đơn yêu cầu xác nhận số nhân khẩu trong hộ gia đình được giao đất nông nghiệp theo Nghị định 64/CP gồm 10 nhân khẩu: Nguyễn Văn C chủ hộ (đã chết), Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Kim T, Nguyễn Thị Kim V, Nguyễn Ngọc N, Nguyễn Văn L, Nguyễn Thị T và Nguyễn Phương D đến Ủy ban nhân dân phường Phương C .

Việc đề nghị xác nhận 10 nhân khẩu như trên căn cứ vào các lý do: (i) gia đình anh được giao đất nông nghiệp tương ứng 10 nhân khẩu, (ii) 10 người nêu trên nằm trong sổ hộ khẩu của gia đình anh (sổ hộ khẩu số 153976 cấp năm 1992) và đều sống chung với ông Nguyễn Văn C (chủ hộ) trên thực tế tại thời điểm giao đất. Theo anh biết, hộ gia đình anh chưa từng được cơ quan chức năng phối hợp để xác

minh nhân khẩu giao đất nông nghiệp năm 1999 hay nộp hồ sơ xin giao đất nông nghiệp năm 1999.

Ngày 23/06/2018, UBND phường Phương C ra Văn bản số 719/UBND-ĐC xác nhận số nhân khẩu thành viên trong hộ gia đình được giao đất theo Nghị định 64/CP, cụ thể, gia đình ông được giao đất sử dụng ổn định, lâu dài theo Nghị định số 64/CP gồm 10 nhân khẩu như sau: Nguyễn Văn C (Chủ hộ được giao đất), Nguyễn Thị Đ, cụ Vương Thị Kh, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Ngọc N, Nguyễn Văn L, Nguyễn Thị T, Nguyễn Phương D, Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn H. Đồng thời, UBND phường Phương C cung cấp Văn bản hiện trạng nhân khẩu và quỹ đất nông nghiệp (không có ngày tháng năm) thể hiện: Tại thời điểm ngày 01/04/1999, số lượng nhân khẩu được giao đất nông nghiệp của gia đình ông là 10 người và trùng với danh sách mà UBND phường Phương C đã xác nhận theo Văn bản số 719/UBND-ĐC (tuy nhiên một số người có họ tên, tuổi không chính xác), danh sách này thể hiện đại diện gia đình ký tên "Đ". Tuy nhiên, anh đã hỏi là được biết chị (Nguyễn Thị Đ) cho biết rằng: Không biết về danh sách này, chữ ký "Đ" trong danh sách cũng không phải là của chị anh.

Hơn nữa, anh cho rằng không có chuyện chị Đ lại nhớ không chính xác họ tên, tuổi của anh chị em, con cháu của mình như đã thể hiện tại danh sách (trong quá trình giải quyết tại địa phương, thậm chí khi đã ra làm việc tại Trung tâm Đối thoại - Hòa giải, anh đã trình bày vấn đề này với UBND phường Phương C , đề nghị UBND phường phối hợp với gia đình anh để làm thủ tục đính chính lại danh sách nhân khẩu được giao đất nhưng không được chấp nhận).

Không đồng ý với Văn bản số 719/UBND-ĐC, anh đã gửi đơn khiếu nại đến UBND phường Phương C . Tại buổi đối thoại, anh đã trình bày quan điểm về việc phải xác nhận nhân khẩu sử dụng đất nông nghiệp phải căn cứ theo sổ hộ khẩu của gia đình anh và những người sinh sống thực tế tại thời điểm giao đất; theo đó, trường hợp điển hình nhất là cụ Vương Thị K (mẹ ông Chiều) không có tên trong sổ hộ khẩu và không sinh sống thực tế với nhà anh, hơn nữa lúc đó cụ đã 90 tuổi thì không thể nằm trong số nhân khẩu được cấp đất. Sau khi lấy ý kiến cộng đồng dân cư và đối thoại, UBND phường Phương C ra quyết định giải quyết khiếu nại số 1178/QĐ-UBND ngày 29/10/2018 giữ nguyên nội dung xác nhận nhân khẩu tại Văn bản số 719/UBND-ĐC.

Anh hoàn toàn không đồng ý với nội dung Văn bản số 719/UBND-ĐC và Quyết định giải quyết khiếu nại số 1178/QĐ-UBND của UBND Phường Phương C bởi các căn cứ sau đây:

Thứ nhất, cụ K không sống chung với gia đình anh:

Anh xin khẳng định cụ K không hề sống chung thường xuyên với gia đình anh tại thời điểm giao đất nông nghiệp năm 1999, mà thực tế là sống với gia đình các con, mỗi người một thời gian, vì gia đình anh, gia đình các chú anh đều muốn cụ K ở cùng để chăm sóc.

Trong văn bản lấy ý kiến cộng đồng dân cư ngày 20/6/2018, thành viên Hội đồng giao đất trước đây là bà Nguyễn Thị C hay ông Nguyễn Xuân T cho rằng cụ K

không có tên trong sổ hộ khẩu nhưng theo truyền thống Việt Nam thì bố mẹ ở với con trưởng (ông Nguyễn Văn C) là không có căn cứ và không đúng với thực tế, thể hiện sự vô trách nhiệm trong việc tự ý xác nhận số nhân khẩu khi không tiến hành xác minh thực tế tại gia đình anh. Hơn nữa, cụ K lúc đó đã 90 tuổi liệu có thuộc đối tượng được Nhà nước giao đất làm nông nghiệp theo Nghị định 64/CP hay không, hay đây chỉ là sự chắp vá cho những cái sai trước đây? Thành viên Hội đồng giao đất trước đây thực hiện việc thẩm định đất thời điểm đó không hề có căn cứ để chứng minh cụ K thời điểm đó sống tại gia đình anh. Còn nếu là theo phong tục tập quán, các con đều có trách nhiệm nuôi dưỡng bố mẹ, bố mẹ có thể ở nhà con cả một thời gian, ở nhà con thứ, con út một thời gian cũng là điều hết sức bình thường.

Thứ hai, sổ hộ khẩu là căn cứ xác định hộ khẩu thường trú của cá nhân:

Cụ K không hề có tên trong sổ hộ khẩu số 153976 mà gia đình anh được cấp năm 1992. Theo quy định tại Nghị định số 4-HĐTB năm 1988 của Hội đồng Bộ trưởng ban hành điều lệ đăng ký và quản lý hộ khẩu thì *"Công dân được quyền và có trách nhiệm đăng ký hộ khẩu thường trú tại nơi ở thường xuyên của mình. Không đăng ký hộ khẩu thường trú ở nơi này nhưng lại thường xuyên cư trú ở nơi khác"* và *"Những người có quan hệ về gia đình hoặc quan hệ thân thuộc cùng ở trong một nhà hoặc một phòng ở thì đăng ký là một hộ"*. Tương tự theo quy định tại thời điểm giao đất năm 1999, Nghị định 51/CP, được hướng dẫn bởi Thông tư 6-TT/BNV(C13) năm 1997: *"Những người ở chung một nhà và có quan hệ gia đình (là ông, bà, bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh chị em ruột) và những người khác được chủ hộ đồng ý cho nhập vào hộ gia đình thì được lập một sổ hộ khẩu gia đình" và "Mỗi hộ gia đình có một sổ hộ khẩu gia đình"*. Theo các quy định này, một người đăng ký thường trú và được cấp sổ hộ khẩu là căn cứ để xác định nơi người đó thường trú và thường trú theo một hộ gia đình; nếu không đăng ký hộ khẩu thì không có căn cứ xác định là thường trú, nếu không có tên trong sổ hộ khẩu gia đình thì không có căn cứ xác định cùng hộ gia đình. Rõ ràng, việc cụ K không có tên trong sổ hộ khẩu gia đình anh đồng nghĩa với việc không có cơ sở để xác định cụ K sinh sống cùng gia đình anh và thuộc hộ gia đình anh.

Thứ ba, sổ hộ khẩu, hộ khẩu thường trú là căn cứ để xác định nhân khẩu sử dụng đất của hộ gia đình:

Theo quy định tại Thông tư 346/1998/TT-TCĐC, nội dung Đơn đăng ký quyền sử dùng đất (mẫu số 6/ĐK) phải thể hiện nội dung *"số sổ đăng ký hộ khẩu"*, như vậy, sổ hộ khẩu sẽ là cơ sở để xác định nhân khẩu sử dụng đất của hộ gia đình.

Theo anh được biết, theo quy định tại Nghị định 64/CP thì nguyên tắc giao đất căn cứ theo hộ khẩu thường trú, cụ thể, theo quy định tại điều 6 Nghị định 64/CP: *"Đối tượng giao đất nông nghiệp để sử dụng ổn định lâu dài là nhân khẩu nông nghiệp thường trú tại địa phương, kể cả những người đang làm nghĩa vụ quân sự."* Cũng theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định này:

"Những đối tượng sau đây, nếu họ có nhu cầu sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp thì Uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn căn cứ vào quỹ đất của địa

phương, xét và đề nghị Uỷ ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh giao đất:

1. Những người sống chính bằng nông nghiệp cư trú tại địa phương nhưng chưa có hộ khẩu thường trú mà được Uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn xác nhận…"

Như đã phân tích ở trên, cụ K không có tên trong sổ hộ khẩu gia đình anh đồng nghĩa với việc cụ K không thường trú cùng với gia đình anh. Do đó, không hề có căn cứ để xác định việc giao đất nông nghiệp theo Nghị định 64/CP cho cụ K thuộc hộ gia đình anh.

Theo như ý kiến của ông Nguyễn Xuân T - Nguyên ủy viên Hội đồng giao đất trước đây tại Biên bản lấy ý kiến cộng động dân cư ngày 20/06/2018 thì tại thời điểm giao đất theo Nghị định 64/CP, trường hợp bà Nguyễn Thị Kim T và bà Nguyễn Thị Kim V (con gái ông C) đã lập gia đình, lấy chồng đi nơi khác (chưa cắt hoặc chuyển khẩu), không sinh sống và ăn, ở trực tiếp tại địa phương nên không thuộc đối tượng giao đất. Tuy nhiên, thực tế tại thời điểm giao đất nông nghiệp các chị vẫn sống chung với gia đình anh, làm nông nghiệp trên phần đất được nhà nước giao cho gia đình anh. Điều 6 Nghị định 64/CP quy định rõ: *Đối tượng giao đất nông nghiệp để sử dụng ổn định lâu dài là nhân khẩu nông nghiệp thường trú tại địa phương, kể cả những người đang làm nghĩa vụ quân sự.* Theo đó, các chị anh đều thuộc đối tượng được giao đất, quan điểm ông Tiến đưa ra là không có căn cứ. Hơn nữa, theo xác nhận của UBND xã Vân C, huyện H, H, nơi bà Nguyễn Thị Kim lấy chồng và xác nhận của UBND xã D, huyện H, Hà N, nơi bà Nguyễn Thị Kim V lấy chồng thì bà Nguyễn Thị Kim T và bà Nguyễn Thị Kim V không được giao đất nông nghiệp theo Nghị định 64/CP tại xã Vân Canh và xã D (tôi đã nộp cho Tòa).

Vậy, theo quan điểm của ông T thì bà Nguyễn Thị Kim T và bà Nguyễn Thị Kim V đã không được Nhà nước giao đất theo Nghị định 64/CP, mặc dù các chị anh đều là những người làm nông nghiệp? Điều này càng khẳng định rõ hơn việc xác định số nhân khẩu Hộ gia đình được giao đất của UBND phường Phương C vào thời điểm năm 1999 cho Hộ gia đình anh là không chính xác do không căn cứ theo sổ hộ khẩu.

Ngoài ra, ông Nguyễn Xuân T cho rằng bà Nguyễn Thị T đã lập gia đình, ra ở riêng và đang làm giáo viên, hưởng lương ngân sách nên bà T, cháu T không thuộc đối tượng giao đất là không đúng với nguyên tắc giao đất và đối tượng giao đất tại điều 6 Nghị định 64/CP (ngay cả đối tượng nghĩa vụ quân sự cũng được giao đất nông nghiệp). Hơn nữa, theo tìm hiểu của anh, bản thân ông Tiến thời điểm đó cũng là người đang hưởng lương ngân sách, nhưng ông T cũng được giao đất nông nghiệp theo Nghị định 64/CP, thì chị T được giao đất nông nghiệp là chuyện bình thường.

Yêu cầu Tòa án nhân quân Quận N hủy bỏ Văn bản số 719/UBND-ĐC ngày 23/06/2018, Quyết định số 1178/QĐ-UBND ngày 29/10/2018 về việc giải quyết khiếu nại của của tịch UBND Phường Phương C , đồng thời xác nhận lại số nhân

khẩu trong hộ gia đình ông Nguyễn Văn C được giao đất nông nghiệp theo Nghị định 64/CP cho anh.

- Người bị kiện:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Phương C trình bày: Sau khi xem xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc N và căn cứ vào hồ sơ giao đất theo NĐ 64/CP lưu trữ tại Ủy ban nhân dân phường cụ thể:

- Phương án số 85/PAGĐNN ngày 24/12/1999 đã được Ủy ban nhân dân huyện T; Sở địa chính nhà đất H.

- Phương án giao đất nông nghiệp chi tiết cho hộ gia đình, cá nhân (xóm 2 Tu H, xã Xuân P).

- Bảng kê hiện trạng nhân khẩu và quỹ đất nông nghiệp được giao tính đến ngày 01/4/1999.

- Bảng kê rà soát việc sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân theo NĐ64/CP lập ngày 15/3/2013 của hộ gia đình ông Nguyễn Văn C .

Ngoài ra, UBND phường Phương C còn tổ chức hội nghị lấy ý kiến của đại diện cộng đồng dân cư và các ông bà là thành viên hội đồng giao đất nông nghiệp theo NĐ64/CP xã Xuân P trước đây để làm căn cứ trả lời đơn của ông Nguyễn Ngọc N. Tại buổi họp lấy ý kiến các thành viên Hội đồng giao đất nông nghiệp xã Xuân P trước đây cho biết 03/10 nhân khẩu là bà Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Kim T, Nguyễn Thị Kim V không thuộc đối tượng giao đất mà 03/10 nhân khẩu được giao đất tại xã Xuân P khác đó là: Cụ Vương Thị K (mẹ ông C), Nguyễn Thị H và Nguyễn Văn H (cháu nội ông Ch và là con gái và con trai ông Nguyễn Văn L).

Do đó, UBND phường không có cơ sở xác nhận 10 nhân khẩu được giao đất theo đơn xác nhận của ông Nguyễn Ngọc N gồm: Ông Nguyễn Văn C (chủ hộ đã chết), bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Kim T, bà Nguyễn Thị Kim V, ông Nguyễn Ngọc N, ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Phương D).

Căn cứ về việc giao đất của UBND xã Xuân P (Nay là phường Phương C) đã lưu trữ theo NĐ số 64/CP là đúng. Tại thời điểm giao đất, UNND xã X trước đây (Nay là phường Phương C) căn cứ vào nhân khẩu sinh sống tại địa phương. UBND phường Phương C khẳng định ngoài phương án giao đất của cụ Vương Thị K đã lưu trữ ngoài ra không còn phương án nào khác. Anh N khởi kiện Chủ tịch UBND phường Phương C không đồng ý. Đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của anh N .

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị chị Nguyễn Thị Đ, chị Nguyễn Thị anh Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Thị Kim T, chị Nguyễn Thị Kim V, anh Nguyễn Văn L, chị Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị Phương D, chị Nguyễn Thị T trình bày: Tại thời điểm giao đất nông nghiệp, không có cán bộ nào xác nhận nhân khẩu sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình. Cho rằng cụ K không thể thuộc đối tượng được cấp đất nông nghiệp, do thời điểm đó cụ K đã hơn 90 tuổi, không có thời gian, sức khỏe để làm nông nghiệp. Việc UBND xã X , huyện Từ Liêm xác định cụ K là nhân khẩu sử dụng đất

nông nghiệp trong hộ gia đình là không đúng, không có cơ sở. Cụ K không nằm trong danh sách nhân khẩu sử dụng đất nông nghiệp của gia đình, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Ngọc N.

Ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn P trình bày: Tại thời điểm giao đất nông nghiệp, mẹ tôi sống cùng gia đình ông T (đến đầu năm 2001 mới về gia đình ông C. Ông bà cho rằng không hề biết cụ K được xác định nhân khẩu sử dụng đất cùng hộ gia đình ông C) và cho rằng cụ K không thể thuộc đối tượng được cấp đất nông nghiệp, do thời điểm đó cụ K đã hơn 90 tuổi, không có thời gian, sức khỏe để làm nông nghiệp. Việc UBND xã X , huyện T xác định cụ K là nhân khẩu sử dụng đất nông nghiệp trong hộ gia đình là không đúng, không có cơ sở. Cụ K không nằm trong danh sách nhân khẩu sử dụng đất nông nghiệp của gia đình ông Chiều, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Ngọc N.

* Tại Bản án Hành hành chính sơ thẩm số 04/2020/HC-ST ngày 16/9/2020 của Tòa án nhân dân quận N đã quyết định như sau:

Bác yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Ngọc N về việc hủy bỏ Văn bản số 719/UBND-ĐC ngày 23/6/2018, Quyết định số 1178/QĐ-UBND ngày 29/10/2018 về việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND phường Phương C , quận N , thành phố H .

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về quyền kháng cáo, nghĩa vụ chịu án phí của các đương sự.

* Không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, ngày 27/9/2020 ông Nguyễn Ngọc N kháng cáo toàn bộ Bản án Hành chính sơ thẩm số 04/2020/HC-ST ngày 16/9/2020 của Tòa án nhân dân quận N .

***** Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người đại diện cho người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện sau khi phân tích đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp yêu cầu khởi kiện của ông N .

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Quá trình tham gia tố tụng của các đương sự, quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hành chính.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông N , giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án trên cơ sở thẩm tra xem xét đầy đủ, toàn diện lời khai của các đương sự, ý kiến của Luật sư và của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[I] Về thủ tục tố tụng:

[1] Đối tượng khởi kiện:

Đơn khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc N yêu cầu Tòa án nhân quận N hủy bỏ Văn bản số 719/UBND-ĐC ngày 23/06/2018, Quyết định số 1178/QĐ-UBND ngày 29/10/2018 về việc giải quyết khiếu nại của UBND Phường Phương C là quyết

định hành chính trong quản lý nhà nước về đất đai được xác định là đối tượng khởi kiện của vụ án, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận N , thành phố H theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3; Điều 30; khoản 1 Điều 31 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[2] Về thời hiệu khởi kiện:

Ngày 23/06/2018 UBND phường Phương C ban hành văn bản số 719/UBND-ĐC. Ngày 29/10/2018 UBND phường Phương C ban hành Quyết định số 1178/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND Phường Phương C đối với ông Nguyễn Ngọc N. Không đồng ý với các quyết định trên, ngày 21/01/2019 ông Nguyễn Ngọc N khởi kiện đến Tòa án nhân dân quận N là đảm bảo thời hiệu quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

[3] Về tư cách tham gia tố tụng:

- Ông Nguyễn Ngọc N làm đơn khởi kiện đối với Quyết định hành chính, Quyết định giải quyết khiếu nại cuar UBND và Chủ tịch UBND Phường Phương C , nên xác định là người khởi kiện.

- Ủy ban nhân dân phường Phương C ,Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Phương C ban hành Quyết định hành chính và Quyết định giải quyết khiếu nại nên xác định là người bị kiện.

- Bà Nguyễn Thị Đ, chị Nguyễn Thị Đ, chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Thị Kim T, chị Nguyễn Thị Kim V, anh Nguyễn Văn L, chị Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị Phương D, chị Nguyễn Thị T, Ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn Ph. Tòa án nhân dân quận N đưa vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về phía người khởi kiện.

[II] Về nội dung:

Xét "Văn bản số 719/UBND-ĐC ngày 23/06/201 và "Quyết định số 1178/QĐ-UBND ngày 29/10/2018 về việc giải quyết khiếu nại của UBND Phường Phương C ", Hội đồng xét xử thấy:

.Về thẩm quyền ban hành:

Văn bản số 719/UBND-ĐC ngày 23/06/2018 và Quyết định số 1178/QĐ-UBND ngày 29/10/2018 về việc giải quyết khiếu nại được ban hành bởi Chủ tịch UBND Phường Phương C ký là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 17 Luật khiếu nại.

2. Về trình tự ban hành:

Ngày 07/6/2018, ông Nguyễn Ngọc N gửi đơn yêu cầu xác nhận số nhân khẩu trong hộ gia đình được giao đất nông nghiệp theo Nghị định 64/CP gồm 10 nhân khẩu: Nguyễn Văn C chủ hộ (đã chết), Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Kim T, Nguyễn Thị Kim V, Nguyễn Ngọc N, Nguyễn Văn L, Nguyễn Thị T và Nguyễn Phương D đến Ủy ban nhân dân Phường Phương C .

Sau khi nhận được đơn của ông Nguyễn Ngọc N, Ủy ban nhân dân phường Phương C đã căn cứ vào hồ sơ được lưu trữ tại Ủy ban nhân dân để trả lời đơn của ông Nguyễn Ngọc N bằng Công văn số 719/TB-UBND ngày 23/6/2018, ông Nguyễn Ngọc N đã khiếu nại.

Ngày 20/6/2018, UBND phường Phương C đã lập biên bản lấy ý kiến của đại diện cộng đồng dân cư và các ông bà là thành viên Hội đồng giao đất nông nghiệp theo Nghị định 64/CP xã X trước đây.

Căn cứ kết quả trên ngày 29/10/2018, UBND phường Phương C ban hành quyết định số 1178/QĐ-UBND ngày 29/10/2018 nội dung giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Ngọc N là đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 27, 28, 29 Luật khiếu nại.

3. Về căn cứ ban hành Quyết định, Hội đồng phúc thẩm xét xử nhận thấy:

Để thực hiện chính sách giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp theo Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ, ngày 01/4/1999 UNBD xã X đã lập hiện trạng nhân khẩu và quỹ đất nông nhiệp của hộ ông Nguyễn Văn C gồm có: Nguyễn Văn C , Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Ngọc N, Vương Thị K , Nguyễn Văn L, Nguyễn Thị T, Nguyễn Phương D, Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn H.

Phương án giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định vào mục đích sản xuất nông nghiệp số 85/ PAGĐNN ngày 24/12/1999 được Ủy ban nhân dân huyện T và Sở Địa chính và Nhà đất H duyệt.

Quá trình giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình ông C và các hộ gia đình khác tại thời điểm này đã thực hiện theo qui định của pháp luật và không có khiếu nại.

Tại phiên tòa hôm nay, Đại diện ủy quyền và Luật sư của ông N xác nhận việc hai thành viên H, H có tên tại thông báo của UBND xã X là đúng vì là con của ông L, thường xuyên sống tại nhà, đất trên mà chủ hộ là ông C.

Riêng cụ K là mẹ đẻ của ông C (Ông C là con cả của cụ K , đồng thời là chủ hộ), ông N vẫn giữ yêu cầu cụ K đã 90 tuổi, nay ở con này, mai ở con khác nên không thường xuyên sinh sống tại nhà, đất ông C là chủ hộ, nên không thuộc diện được cấp đất nông nghiệp năm 1999.

Xét thấy, cụ K là mẹ đẻ của ông C, ông C là con cả. Theo tập quán thì cha mẹ thường ở với con trai cả và thực tế cụ K cũng thường xuyên sinh sống tại nhà, đất ông C là chủ hộ.

Nội dung này được UBND xã X cũng như bà con địa phương xác nhận thời điểm năm 1999 và khẳng định lại sau này khi ông N có khiếu kiện, phù hợp với thực tế, tập quán và qui định của pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

Lý do ông N đưa ra không công nhận cụ K thường xuyên sinh sống tại nhà, đất ông Chiều là chủ hộ là dựa vào ý kiến của ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị

M, ông Nguyễn Văn P và những người liên quan khác về phía nguyên đơn là không đảm bảo tính khách quan nên không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

Về tuổi của cụ K 90 tuổi tại thời điểm cấp đất, không phải lý do để không được cấp đất như phía nguyên đơn đưa ra.

Như vậy, Văn bản số 719/UBND-ĐC ngày 23/06/2018 và Quyết định số 1178/QĐ-UBND ngày 29/10/2018 về việc giải quyết khiếu nại của UBND Phường Phương C ban hành đúng theo trình tự và nội dung theo qui định của pháp luật.

Vì các lý do, trên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc N.

Luận cứ của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Ngọc N không có căn cứ nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận.

Kết luận của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố H hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm.

[III] Về án phí: Ông Nguyễn Ngọc N phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 30, khoản 1 Điều 31, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 206, khoản 1 Điều 241, Điều 348 Luật Tố tụng hành chính;

- Căn cứ Điều 7, Điều 8; Điều 17; Điều 27; Điều 20; Điều 20; Điều 31; Điều 32 luật khiếu nại năm 2011;

- Căn cứ Điều 16; Điều 18, Điều 19, Điều 20; Điều 24 luật đất đai năm 1993.

- Căn cứ Điều 6, Điều 7, Điều 12 nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính Phủ

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

* Xử: Giữ nguyên quyết định Bản án số 04/2020/HC-ST ngày 16/9/2020 của Tòa án nhân dân quận N và quyết định cụ thể như sau:

[1] Bác yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Ngọc N về việc hủy bỏ "Văn bản số 719/UBND-ĐC" ngày 23/06/2018 của UBND Phường Phương C và "Quyết định số 1178/QĐ-UBND" ngày 29/10/2018 về việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND Phường Phương C .

[2] Về án phí:

[2.1] Về án phí sơ thẩm:

- Anh Nguyễn Ngọc N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hành chính sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0009046 ngày 02/01/2020 tại Chi Cục Thi hành án dân sự quận N . Anh Nguyễn Ngọc N đã nộp xong tiền án phí hành chính sơ thẩm.

[2.2] Về án phí phúc thẩm:

- Anh Nguyễn Ngọc N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hành chính phúc thẩm, được trừ vào số tiền dự phí kháng cáo đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0009744. ngày 16/10/2020 tại Chi Cục Thi hành án dân sự quận N . Anh Nguyễn Ngọc N đã nộp xong tiền án phí hành chính phúc thẩm.

Án xử công khai, phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 23/4/2021./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**